Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3404.90.90

Mã HS	3404.90.90
Mô tả hàng hóa	Sáp nhân tạo và sáp đã được chế biến / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 05:00:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/34049090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5105
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5105
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5105
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4985
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4946
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4946
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4946
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4946
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4946
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4946
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4990
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4990

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4990
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4990
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4990
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4990
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4988
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4988
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4988
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4988
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4988
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4988
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4988
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4952
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4948
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4948
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4948
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4948
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4948
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4948
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4957
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4957
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4957
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4957
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4957
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4957
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4995
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4995

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4995
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4995
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4995
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4995
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4992
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4992
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4992
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4992
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4992
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4992
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D5000
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E5000
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F5000
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G5000
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H5000
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5000
EVFTA	2022	2022	1,5	EV-NK!D4971
EVFTA	2023	2023	1	EV-NK!E4971
EVFTA	2024	2024	0,5	EV-NK!F4971
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4971
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4971
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4971
UKVFTA	2022	2022	1,5	UKV!D4973
UKVFTA	2023	2023	1	UKV!E4973
UKVFTA	2024	2024	0,5	UKV!F4973
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4973

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4973
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4973
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4971
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4971
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4971
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4971
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4971
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4971
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4971
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4992
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4992
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4992
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4992
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4992
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4992
RCEP B	2022	2022	0	B!D4992
RCEP B	2023	2023	0	B!E4992
RCEP B	2024	2024	0	B!F4992
RCEP B	2025	2025	0	B!G4992
RCEP B	2026	2026	0	B!H4992
RCEP B	2027	2027	0	B!I4992
RCEP C	2022	2022	0	C!D4992
RCEP C	2023	2023	0	C!E4992
RCEP C	2024	2024	0	C!F4992
RCEP C	2025	2025	0	C!G4992
RCEP C	2026	2026	0	C!H4992

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4992
RCEP D	2022	2022	0	D!D4992
RCEP D	2023	2023	0	D!E4992
RCEP D	2024	2024	0	D!F4992
RCEP D	2025	2025	0	D!G4992
RCEP D	2026	2026	0	D!H4992
RCEP D	2027	2027	0	D!I4992
RCEP E	2022	2022	0	E!D4995
RCEP E	2023	2023	0	E!E4995
RCEP E	2024	2024	0	E!F4995
RCEP E	2025	2025	0	E!G4995
RCEP E	2026	2026	0	E!H4995
RCEP E	2027	2027	0	E!I4995
RCEP F	2022	2022	0	F!D4992
RCEP F	2023	2023	0	F!E4992
RCEP F	2024	2024	0	F!F4992
RCEP F	2025	2025	0	F!G4992
RCEP F	2026	2026	0	F!H4992
RCEP F	2027	2027	0	F!I4992
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4605
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4605
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4605
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4605

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thực phẩm, phụ gia thực phẩm và bao gói, dụng cụ chưa đựng (15/2024/TT-BYT)		15/2024/TT-BYT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3404.90 có 2 dòng thuế; dòng 3404.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3404.90.10 Của than non đã biến đổi hóa học	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3404.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 3404.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5105), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thực phẩm, phụ gia thực phẩm và bao gói, dụng cụ chưa đựng (15/2024/TT-BYT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.